



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Ngày/ Date:

Số/ N<sup>o</sup>: **A1015101142**

Trang/ Page: 1/2



1. Phương tiện đo/ Object: **LÒ NHIỆT CHUẨN/ FIELD METROLOGY WELL**

2. Hãng sản xuất/ Manufacturer: **FLUKE**

3. Kiểu/ Model: **9144**

Số nhận dạng/ ID: **64**

4. Số hiệu/ SN: **B63241**

5. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification:

+ Khoảng nhiệt độ/ Temp. range: **50÷650 °C**

+ Độ phân giải/ Resolution: **0,01°C**

+ Kích thước trong/ Internal dimension: **NA**

6. Khách hàng/ Customer: **CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**

7. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**

8. Nơi hiệu chuẩn/ Place of calibration: **Phòng hiệu chuẩn 1**

9. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**

10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Procedure of calibration: **A-00 - Liên kết chuẩn bên ngoài**

11. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

12. Môi trường hiệu chuẩn/ calibration environment:

Nhiệt độ/ Temperature:

Độ ẩm/ Humidity: **%RH**

13. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration: **06/03/2019**

14. Ngày hiệu chuẩn tiếp theo/ Recommended date of next calibration: **30/06/2020**

15. Tem hiệu chuẩn/ calibration label: **A142**

**AoV**

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây.  
*The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.*
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.  
*This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.*
- Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.  
*Name of customer is written as customer's request.*



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Ngày/ Date:

Số/ N<sup>o</sup>: A1015101142

Trang/ Page: 2/2



**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/**  
**RESULTS OF CALIBRATION**

| LIÊN KẾT CHUẨN            | ĐIỂM KIỂM TRA | SAI LỆCH HIỂN THỊ | ĐKĐBĐ  |
|---------------------------|---------------|-------------------|--------|
| KT3-0891BNH9/2 (QUATEST3) | 150°C         | -0.05°C           | 0.28°C |
| KT3-0891BNH9/2 (QUATEST3) | 180°C         | -0.03°C           | 0.38°C |
| KT3-0891BNH9/2 (QUATEST3) | 350°C         | -0.12°C           | 0.53°C |
| KT3-0891BNH9/2 (QUATEST3) | 450°C         | -0.24°C           | 0.61°C |
| KT3-0891BNH9/2 (QUATEST3) | 550°C         | -0.43°C           | 1.1°C  |
| KT3-0891BNH9/2 (QUATEST3) | 650°C         | -0.41°C           | 1.4°C  |

--- Hết/ End ---

AoV

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây.  
*The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.*
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.  
*This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.*
- Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.  
*Name of customer is written as customer's request.*